

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 471 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng
dữ liệu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của
Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà
nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của
Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết
nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của
Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt
Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;*

*Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2018 của
UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kiến trúc tổng thể thành phố thông minh
thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của
UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố
Đà Nẵng phiên bản 2.0;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
134/TTr-STTTT ngày 06/02/2024 và kết quả lấy ý kiến Thành viên UBND thành
phố theo Công văn số 574/VP-KT ngày 20/02/2024 của Văn phòng UBND thành
phố.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2: Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy chế tạm thời về chia sẻ dữ liệu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã và thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBQG về CDS (b/c);
- Bộ TT&TT (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTTU, TTHĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các TV BCĐ CDS TP;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn TP;
- Đài PT-TH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, STTTT.

20/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Nam



QUY CHẾ
Quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong việc quản lý, chia sẻ và khai thác, sử dụng dữ liệu số.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, phường, xã và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp do UBND thành phố Đà Nẵng quyết định thành lập, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước); cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan trên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố: Là cơ sở dữ liệu chứa dữ liệu chủ làm cơ sở tham chiếu, kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn thành phố; được chia sẻ, sử dụng chung trong các cơ quan nhà nước.

2. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Là tập hợp dữ liệu về ngành, lĩnh vực được số hóa, lưu trữ, quản lý phục vụ cho công tác nghiệp vụ chuyên ngành của cơ quan nhà nước.

3. Kho dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng (tại địa chỉ <https://khodulieu.danang.gov.vn>): Là hệ thống thu thập, hợp nhất dữ liệu từ nhiều nguồn dữ liệu với các định dạng dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xử lý, phân tích, khai phá dữ liệu,

trình diễn, trực quan hóa dữ liệu, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan nhà nước khác khai thác, sử dụng.

4. Cổng dữ liệu thành phố Đà Nẵng (tại địa chỉ <https://congdu lieu.vn> hoặc <https://opendata.danang.gov.vn>): Là hệ thống đầu mối truy cập thông tin, dữ liệu phục vụ việc công bố dữ liệu mở của các Cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm cung cấp các tài liệu, dịch vụ dữ liệu cho các tổ chức, công dân.

5. Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố - trục LGSP (tại địa chỉ <https://tructichhop.danang.gov.vn>): là hệ thống đóng vai trò kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước thành phố Đà Nẵng; giữa cơ quan nhà nước thành phố Đà Nẵng với các Bộ, ngành, địa phương khác; và giữa cơ quan nhà nước thành phố Đà Nẵng với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; trục LGSP tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố Đà Nẵng.

6. Cơ quan chủ quản dữ liệu: Là cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ xây dựng, lưu trữ, quản lý, cập nhật, cung cấp, chia sẻ dữ liệu số thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan đó.

Điều 4. Các nguyên tắc chung

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu được quy định tại Điều 5 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và các nguyên tắc chung quy định tại Quy chế này, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc 1: Tài sản dữ liệu

Danh mục dữ liệu, danh mục cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu hình thành trong hoạt động của các cơ quan nhà nước là tài sản chung của nhà nước được bảo vệ, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung để phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc 2: Quản trị và giám sát dữ liệu

Danh mục dữ liệu, danh mục cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu phải tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn; được kiểm soát, quản trị, quản lý tập trung, thống nhất và không cắt cứ, rời rạc, phân mảnh.

3. Nguyên tắc 3: Toàn vẹn và ràng buộc dữ liệu

a) Danh mục dữ liệu, danh mục cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu phải bảo đảm tính thống nhất kiến trúc, tuân thủ về mô hình; được xác định cụ thể và đặc tả đầy đủ thông tin về đối tượng quản lý.

b) Dữ liệu, cơ sở dữ liệu khi tham chiếu, kết nối phải bảo đảm tính duy nhất thông qua khóa (Primary Key) để định danh trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành và của các địa phương khác.

c) Dữ liệu, cơ sở dữ liệu khi thu thập cần kế thừa, không thu thập, xây dựng chồng lấn, trùng lặp các dữ liệu đã có (dữ liệu đó đã được một cơ quan khác thu thập, xây dựng) và phải được cập nhật liên tục bảo đảm tính toàn vẹn, nhất quán.

4. Nguyên tắc 4: Chất lượng dữ liệu

a) Xây dựng các danh mục dữ liệu, danh mục cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành và được tích hợp (Import), trích xuất (Export) theo định dạng XML, XLSX, CSV, JSON,... và các định dạng theo quy định chuyên ngành khác của pháp luật.

b) Dữ liệu, cơ sở dữ liệu phải được duy trì, thường xuyên giám sát, kiểm kê, đánh giá chất lượng dữ liệu nhằm đảm bảo việc tuân thủ các tiêu chuẩn dữ liệu, hướng đến dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

c) Dữ liệu, cơ sở dữ liệu xây dựng đến đâu khai thác để phục vụ đến đó; xử lý, phân tích dữ liệu dựa trên các công nghệ số, được hiển thị trực quan thông qua các biểu đồ, dashboard,... để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Nguyên tắc 5: An toàn, bảo mật dữ liệu

a) Các dữ liệu, cơ sở dữ liệu phải được mã hóa, các thông tin mang tính chất riêng tư phải áp dụng các biện pháp xử lý bằng các kỹ thuật mã hóa nhằm đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình quản trị, quản lý và chia sẻ dữ liệu.

b) Các quy chế, quy định an toàn thông tin, bảo mật danh mục dữ liệu, danh mục cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu phải được thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật ở tất cả các lớp liên quan đến hạ tầng, dữ liệu và ứng dụng.

c) Việc chia sẻ dữ liệu, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Các hành vi không được làm

1. Chiếm dụng trái phép quyền quản trị, truy cập vào các dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng tài khoản của người khác hoặc để cho người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào cơ sở dữ liệu thực hiện các công việc không được giao.

2. Làm thay đổi giao diện, sửa đổi, xóa bỏ thông tin, dữ liệu; chen các đoạn mã, thay đổi cấu trúc trong cơ sở dữ liệu; thay đổi các kỹ thuật kết nối của trục LGSP,... khi chưa được phép cơ quan có thẩm quyền về kỹ thuật kết nối, cấu trúc, thông tin có trong các tệp dữ liệu, cơ sở dữ liệu.

3. Sử dụng các dữ liệu, cơ sở dữ liệu vào những mục đích trái pháp luật, tiết lộ trái pháp luật các thông tin biết được trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu; vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với cơ sở dữ liệu.

4. Những hành vi theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2023/NĐ-CP) và những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II **XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CẤU TRÚC, DỮ LIỆU** **TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 6. Phân loại các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bao gồm:

- a) Các cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố;
- b) Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan nhà nước;
- c) Các dữ liệu mở thành phố Đà Nẵng;
- d) Các cơ sở dữ liệu khác trong nội bộ một hệ thống thông tin của từng cơ quan nhà nước không thuộc điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

2. Các dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong của cơ quan nhà nước phải được tổ chức, lưu trữ an toàn thuận lợi cho việc kết nối, chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng.

Điều 7. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng

1. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố được quy định tại Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phát sinh mới, được Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá và đề xuất đưa vào Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cơ sở dữ liệu có chứa dữ liệu chủ của thành phố hoặc dữ liệu có giá trị pháp lý được số hóa từ các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

b) Cơ sở dữ liệu được chia sẻ, sử dụng cho nhiều cơ quan nhà nước phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chủ quản dữ liệu và Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Điều 2 Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng liên quan đến đặc tả chi tiết các cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố; sửa đổi, bổ sung Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố.

Điều 8. Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan nhà nước

1. Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành cần đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Kế thừa phù hợp và thường xuyên đồng bộ theo quý với Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ ngành chủ quản và Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố.

b) Tuân thủ nguyên tắc 3 tại Điều 4 Quy chế này, đặc tả đầy đủ thông tin đối tượng quản lý theo mẫu tại Phụ lục I; các dữ liệu, cơ sở dữ liệu tuân thủ chuẩn dữ liệu chuyên ngành, cơ chế thu thập dữ liệu, nguồn dữ liệu; thực hiện việc phân loại và xác định cụ thể các trường dữ liệu chia sẻ mặc định, chia sẻ theo yêu cầu đặc thù và yêu cầu dữ liệu mở.

2. Các cơ quan chủ quản dữ liệu thường xuyên rà soát Danh mục cơ sở dữ liệu hiện có, lĩnh vực quản lý, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành của Bộ ngành chủ quản để bổ sung, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan mình quản lý, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải gửi Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ chuyên ngành và các cơ quan có liên quan để kiểm tra, lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành.

Điều 9. Thu thập, số hóa, tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm:

a) Xác định các nguồn dữ liệu liên quan; tổ chức thu thập phục vụ số hóa, tạo lập, xây dựng cơ sở dữ liệu, bao gồm: nguồn dữ liệu chính, nguồn dữ liệu liên kết, nguồn dữ liệu tham chiếu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành chủ quản và cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng.

b) Ưu tiên sử dụng các công nghệ số (như công nghệ nhận dạng ký tự quang học; xử lý ngôn ngữ tự nhiên;...) nhằm tự động hóa quy trình và nâng cao chất lượng, hiệu quả số hóa, thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Các cơ sở dữ liệu khi xây dựng phải thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố hoặc Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được cấp có thẩm quyền ban hành; đảm bảo tuân thủ nguyên tắc 3 và nguyên tắc 4 tại Điều 4 Quy chế này; tổ chức lưu trữ trong các phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành tương ứng để chia sẻ, khai thác, sử dụng.

Điều 10. Quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu

1. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là chủ quản dữ liệu của thành phố Đà Nẵng bao gồm quyền sở hữu, quản lý kết nối, kiểm soát chia sẻ,... toàn bộ dữ liệu của thành phố Đà Nẵng và ủy quyền chủ quản dữ liệu cho Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và cơ quan nhà nước liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn.

Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện và cơ quan nhà nước liên quan chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ chủ quản dữ liệu được giao quản lý.

2. Các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải được đặt tại Trung tâm Dữ liệu thành phố Đà Nẵng (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác) để lưu trữ, quản lý tập trung, thống nhất, phục vụ chia sẻ, khai thác, sử dụng chung.

3. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý các cơ sở dữ liệu được giao chủ quản, định kỳ triển khai rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu; triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Quản lý lịch sử thay đổi, cập nhật dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn, đầy đủ của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

c) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thực hiện kết nối, chia sẻ khi hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng chính thức theo mẫu tại Phụ lục II.

Điều 11. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ thành phố Đà Nẵng

1. Phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu:

a) Các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phải thực hiện phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu dưới dạng giao diện lập trình ứng dụng (Application programming interface - API). Trường hợp không áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu qua API; cơ quan chủ quản dữ liệu phải nêu rõ lý do bằng văn bản gửi Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết theo hướng dẫn tại Mục 5, Chương III Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

b) Đối với các hệ thống không kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua dịch vụ API như hệ thống thư điện tử, mạng xã hội, các tệp dữ liệu khi trích xuất dưới dạng file Doc, XLS,... phải chuyển đổi sang file PDF và được xác thực trên trang đầu của file PDF bằng chữ ký số của lãnh đạo cơ quan chủ quản dữ liệu.

c) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước khi đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp phải có hạng mục nội dung xây dựng dịch vụ chia sẻ dữ liệu được kết nối với trục LGSP và được thuyết minh chi tiết trong hồ sơ thiết kế.

2. Hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu:

a) Cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố bắt buộc chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định. Đối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, ưu tiên chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định khi đã sẵn sàng các điều kiện kỹ thuật; chỉ thực hiện chia sẻ theo hình thức yêu cầu đặc thù khi không thể thực hiện qua hình thức chia sẻ mặc định hoặc có quy định khác trong các văn bản pháp luật liên quan.

b) Quy trình chia sẻ mặc định và chia sẻ theo yêu cầu đặc thù thực hiện theo quy định tại Mục 2 và Mục 3, Chương III, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu:

a) Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng chỉ đạo thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Cơ quan chủ quản dữ liệu trong kết nối, chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm:

- Xây dựng, thiết lập, công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật đặc tả dịch vụ, các hướng dẫn phục vụ truy cập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, cấu hình trên trục LGSP thành phố. Tài liệu đặc tả dịch vụ chia sẻ dữ liệu (về cấu trúc dữ liệu, chuẩn dữ liệu, đặc tả API, phương thức chia sẻ,...) theo mẫu tại Phụ lục III, bảo đảm các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Xác định tần suất, thời gian cập nhật dữ liệu, thời hạn sử dụng dữ liệu chia sẻ để cung cấp, công bố trên trục LGSP thành phố.

- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật trao đổi dữ liệu về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; hiệu chỉnh khi dữ liệu sai, lệch so với thực tế.

- Khi có thay đổi, cập nhật các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, phải thông báo bằng văn bản trước ít nhất 05 ngày làm việc, theo mẫu tại Phụ lục IV và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành cập nhật thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên trục LGSP.

- Việc tạm ngừng kết nối, chia sẻ dữ liệu trên trục LGSP phải tuân thủ điều kiện tại Điều 43 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và phải thông báo bằng văn bản trước ít nhất 05 ngày làm việc, theo mẫu tại Phụ lục V.

- Tiếp nhận, xử lý các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan khai thác các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi mình quản lý được công khai trên trục LGSP thành

phổ theo mẫu tại Phụ lục VI và trong thời hạn 07 ngày làm việc phải phúc đáp, hướng dẫn cho cơ quan khai thác dữ liệu (cả trong trường hợp vướng mắc không giải quyết).

c) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, quy trình, tiêu chuẩn dữ liệu, duy trì dữ liệu theo Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP; đảm bảo tính thông suốt, liên tục, đồng bộ, thống nhất.

- Theo dõi, đôn đốc, báo cáo Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về kết nối, chia sẻ dữ liệu theo trình tự giải quyết vướng mắc thực hiện theo quy định tại Mục 5, Chương III Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

- Tổ chức quản lý, vận hành trực LGSP thành phố, đảm bảo các điều kiện hạ tầng, kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ kết nối, tích hợp giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

4. Bảo đảm an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu:

a) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin lớp mạng và lớp dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu được lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu thành phố Đà Nẵng; đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình kết nối, tích hợp dữ liệu trên trực LGSP; cảnh báo, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan nhà nước xử lý sự cố an toàn thông tin.

b) Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin ở lớp ứng dụng, lớp cơ sở dữ liệu và lớp thiết bị đầu cuối đối với các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình hình thành, chuẩn bị, cập nhật, duy trì và cung cấp dữ liệu.

c) Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm bảo mật tài khoản khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin khi lưu trữ dữ liệu trong hệ thống thông tin của cơ quan mình quản lý.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương khác

1. Việc chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan ngoài thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ ngành khác. Trường hợp vướng mắc về chia sẻ dữ liệu, cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng xem xét quyết định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật các cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương khác.

3. Các cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu chia sẻ dữ liệu từ các Bộ, ngành, địa phương khác liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, chủ động chuẩn bị điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu (về dịch vụ chia sẻ dữ liệu, tài liệu kỹ thuật, an toàn thông tin,...); phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua trục LGSP thành phố.

b) Định kỳ hàng Quý, phối hợp với các Bộ, ngành chủ quản để rà soát, kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành chủ quản về cơ sở dữ liệu do mình quản lý.

Điều 13. Quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung thành phố

1. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức quản lý, vận hành, đảm bảo các điều kiện hạ tầng, kỹ thuật, an toàn thông tin Kho dữ liệu dùng chung thành phố; quản lý tài khoản và phân quyền truy cập cho các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; lưu trữ nhật ký hoạt động người dùng (truy cập, chỉnh sửa, chia sẻ, khai thác, sử dụng,...) trong Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện kết nối, tích hợp, thu nhận dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung; tổ chức quản lý, chuẩn hóa, lưu trữ dữ liệu; thiết lập các kho dữ liệu chuyên đề (datamart), tổng hợp, phân tích, khai phá dữ liệu; triển khai kết nối, tích hợp Kho dữ liệu dùng chung thành phố với Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng phục vụ giám sát, chỉ đạo, điều hành lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và Cổng dữ liệu thành phố phục vụ cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.

Điều 14. Khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được phân quyền truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trong Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng và các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố phục vụ công tác quản lý nhà nước, thực thi công vụ, chỉ đạo điều hành, dự báo, xây dựng quy hoạch, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; cụ thể trong các hoạt động sau:

a) Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi nộp hồ sơ thủ tục hành chính.

b) Tối ưu các hoạt động quản trị nội bộ, cắt giảm các hoạt động thủ công, giấy tờ (tìm kiếm, tổng hợp, thống kê, báo cáo,...).

c) Thực hiện các hoạt động giám sát, kiểm tra trực tuyến đối với đối tượng quản lý.

d) Phân tích, trực quan hóa dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ra quyết định của lãnh đạo các cơ quan nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm:

a) Đảm bảo sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi chức năng quyền hạn của cơ quan mình.

b) Ghi rõ nguồn dữ liệu, mốc thời gian khai thác gần nhất để đảm bảo độ tin cậy và quyền sở hữu trí tuệ; thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông khi dữ liệu chia sẻ có sai sót hoặc không phù hợp với thực tế.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ hàng năm. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu:

a) Tổ chức tự kiểm tra, đánh giá dữ liệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm có báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo mẫu tại Phụ lục VII.

b) Thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

3. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ quản dữ liệu tự kiểm tra, đánh giá dữ liệu; phối hợp với các cơ quan chủ quản dữ liệu triển khai các giải pháp khắc phục, nâng cao chất lượng dữ liệu.

b) Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu của thành phố (bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành), trình Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Điều 16. Kinh phí xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Các cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố Đà Nẵng được ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển hoặc nguồn vốn sự nghiệp công nghệ thông tin để xây dựng, nâng cấp, cập nhật hàng năm.

2. Kinh phí quản lý, duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm theo phân

cấp ngân sách (kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ) của cơ quan nhà nước.

3. Kinh phí quản lý, vận hành, duy trì trực LGSP thành phố và Kho dữ liệu dùng chung thành phố được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin hàng năm của thành phố.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Làm đơn vị đầu mối cấp thành phố tham mưu công tác quản trị dữ liệu, quản trị kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung của thành phố; bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu, dự phòng dữ liệu; phối hợp với đầu mối cấp đơn vị xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong nội bộ thành phố và quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu ra ngoài phạm vi thành phố.

2. Hàng năm tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin trong việc bảo vệ các cơ sở dữ liệu trong Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố, Kho dữ liệu thành phố.

3. Tổ chức hướng dẫn cho các cơ quan thành phố về quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu của Trung ương và Thành phố; tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị dữ liệu, quản lý, kết nối, chia sẻ, phân tích, khai thác, sử dụng dữ liệu.

4. Tổng hợp thông tin cán bộ đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan thành phố, công bố công khai trên trực LGSP và Cổng dữ liệu thành phố để phục vụ liên hệ trong việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng triển khai thực hiện Quy chế này. Chủ động theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, kịp thời báo cáo UBND thành phố xem xét, chỉ đạo xử lý.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu

1. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Quy chế này tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý, cung cấp dữ liệu đối với dữ liệu thuộc phạm vi mình quản lý theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Đề xuất cơ sở dữ liệu cần triển khai áp dụng diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin hàng năm theo mẫu tại Phụ lục VIII; cử cán bộ tham gia các đợt diễn tập do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

3. Xây dựng, ban hành Quy chế nội bộ về quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi cơ quan quản lý.

4. Hàng năm xây dựng, triển khai kế hoạch, phương án số hóa, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi mình quản lý.

5. Chỉ định và giao nhiệm vụ cho một cán bộ làm đầu mối, phụ trách quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu của Bộ chuyên ngành ban hành.

Điều 19. Trách nhiệm của cán bộ đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu cấp đơn vị

1. Thường xuyên rà soát, đề xuất, tham mưu cho thủ trưởng cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện nghiêm túc các quy định theo Quy chế này tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

2. Chủ trì tổ chức triển khai quản trị dữ liệu nội bộ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan; sử dụng tài khoản các hệ thống, nền tảng dùng chung của thành phố (trục LGSP thành phố, Kho dữ liệu dùng chung thành phố, Cổng dữ liệu thành phố, Trung tâm Giám sát điều hành thông minh thành phố Đà Nẵng,...) để khai thác, sử dụng dữ liệu trong cơ quan, ngành.

3. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về quản trị, phân tích, xử lý dữ liệu số, diễn tập an toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chuyên trách của Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với nguồn vốn chi đầu tư phát triển) và Sở Tài chính (đối với nguồn vốn chi thường xuyên) tổng hợp, tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng bố trí kinh phí đảm bảo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 21. Đề nghị Công an thành phố Đà Nẵng

Triển khai Quy chế trong thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu số; trong đảm bảo theo các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 22. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức triển khai và phối hợp chặt chẽ thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc đề xuất cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan nhà nước phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

MẪU ĐẶC TẢ THÔNG TIN CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 411 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Mục đích	Mô tả thông tin đối tượng quản lý	Văn bản quy định đối tượng quản lý	Chuẩn dữ liệu	Cơ chế thu thập	Phương thức chia sẻ dữ liệu
1	CSDL công dân	Sở Thông tin và Truyền thông	Quản lý thông tin công dân, nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn thành phố	Tập hợp các thông tin cơ bản của công dân: - Mã số định danh cá nhân, CCCD, CMND - Họ và tên - Giới tính - Dân tộc - Tôn giáo - Quốc tịch - Tình trạng hôn nhân - Nhóm máu - Ngày tháng năm sinh - Nơi đăng ký khai sinh - Quê quán - Địa chỉ thường trú - Nơi ở hiện tại - Cha/mẹ/vợ/chồng ...	Luật Căn cước công dân	QCVN 109:2017/BTTTT	- Nguồn dữ liệu tham chiếu: CSDL quốc gia về dân cư - Nguồn dữ liệu chính: CSDL hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công; CSDL công dân từ Nền tảng công dân số My Portal - Nguồn dữ liệu liên kết: Từ các CSDL chuyên ngành có dữ liệu công dân như CSDL hộ tịch, giấy phép lái xe, bảo hiểm,...	- Chia sẻ dữ liệu mặc định. - Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù.

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Mục đích	Mô tả thông tin đối tượng quản lý	Văn bản quy định đối tượng quản lý	Chuẩn dữ liệu	Cơ chế thu thập	Phương thức chia sẻ dữ liệu
2	CSDL hộ tịch	Sở Tư pháp	Quản lý thông tin hộ tịch (đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử, xác nhận tình trạng hôn nhân, nhận cha mẹ con nuôi...) trên địa bàn thành phố.	a) Các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập khi đăng ký khai sinh: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, quê quán, nơi cư trú, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của cha, mẹ của người được đăng ký khai sinh; họ tên, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh, mối quan hệ với người được khai sinh; số đăng ký, quyền số, ngày, tháng, năm đăng ký, tên cơ quan đăng ký khai sinh; họ tên, chức vụ của người ký Giấy khai sinh;	Nghị định số 87/2020/NĐ-CP	Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019	- Nguồn dữ liệu tham chiếu: CSDL hộ tịch quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư - Nguồn dữ liệu chính: Hồ sơ, sổ hộ tịch số hóa trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung - Nguồn dữ liệu liên kết: Từ các CSDL công dân, CSDL hồ sơ thủ tục hành chính, Nền tảng công dân số,...	- Chia sẻ dữ liệu mặc định. - Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù.

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Mục đích	Mô tả thông tin đối tượng quản lý	Văn bản quy định đối tượng quản lý	Chuẩn dữ liệu	Cơ chế thu thập	Phương thức chia sẻ dữ liệu
				b) Các thông tin hộ tịch của cá nhân là công dân Việt Nam được xác lập khi ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (sau đây gọi là ghi chú khai sinh): họ tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; nơi sinh; dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người được ghi chú khai sinh; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch, quê quán, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của cha, mẹ của người được ghi chú khai sinh; tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm cấp, tên cơ quan, tên quốc gia cấp giấy tờ hộ tịch là cơ sở ghi chú khai sinh; thông tin về người đi				

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Mục đích	Mô tả thông tin đối tượng quản lý	Văn bản quy định đối tượng quản lý	Chuẩn dữ liệu	Cơ chế thu thập	Phương thức chia sẻ dữ liệu
				đăng ký khai sinh; họ tên, số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân của người yêu cầu ghi chú khai sinh; số đăng ký, quyền số, ngày, tháng, năm đăng ký, tên cơ quan thực hiện ghi chú khai sinh; họ tên, chức vụ của người ký Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; c) Các thông tin hộ tịch khác của cá nhân được đăng ký theo quy định pháp luật tiếp tục được cập nhật vào thông tin hộ tịch của cá nhân đã được xác lập theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, gồm: thông tin về việc đăng ký kết hôn; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch,				

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Mục đích	Mô tả thông tin đối tượng quản lý	Văn bản quy định đối tượng quản lý	Chuẩn dữ liệu	Cơ chế thu thập	Phương thức chia sẻ dữ liệu
				xác định lại dân tộc; khai tử; ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO

Tình hình xây dựng, chia sẻ, sử dụng và cập nhật dữ liệu số thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 471 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên CSDL	Có đặc tả API chia sẻ sử dụng	Đã chia sẻ sử dụng	cập nhật	Xây dựng mới
I	CSDL chia sẻ cho cơ qua khác sử dụng			Thông kê đến ngày báo cáo	
1	Tên CSDL 1	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có
		Tên các cơ quan chia sẻ/sử dụng: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng:		- Dung lượng cũ:.....GB - Số lượng bản ghi cũ: Record - Dung lượng mới: GB - Số lượng bản ghi mới: Record	
2	Tên CSDL 2	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có
		Tên các cơ quan chia sẻ/sử dụng:		- Dung lượng cũ:.....GB - Số lượng bản ghi cũ: Record - Dung lượng mới: GB - Số lượng bản ghi mới: Record	

		Mục đích việc chia sẻ/sử dụng:				
						
						
						
						
II	Nhu cầu triển khai CSDL mới	Chia sẻ	Sử dụng	Xây dựng mới		
1	Tên CSDL 1	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không		
		Phạm vi CSDL đề xuất: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng/xây dựng mới: Kinh phí đề xuất:..... (triệu đồng)				
2	Tên CSDL 1	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không	☐ Có ☐ Không		
		Phạm vi CSDL đề xuất: Mục đích việc chia sẻ/sử dụng/xây dựng mới: Kinh phí đề xuất:..... (triệu đồng)				
III	Vướng mắc, đề nghị					

[illegible]

1. Vương mào 2

2. Vương mào 2

3

Phụ lục III
MẪU ĐẶC TẢ DỊCH VỤ API CHIA SẺ DỮ LIỆU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Mục đích cung cấp, sử dụng API:

.....
.....

2. Địa chỉ truy cập

☐ Chính thức ☐ Thử nghiệm:

Địa chỉ:.....

3. Thông tin kết nối bảo mật (nếu có):

.....

4. Chi tiết các API kết nối

4.1. API

- Đường dẫn: **END_POINT_URL** + /<đường dẫn>

- Phương thức:

- Đầu vào: <Dữ liệu mẫu đầu vào>

 o Header:

 ▪

 o Body (Param):

 ▪

 ▪

- Đầu ra: <Dữ liệu mẫu đầu ra>

- Mô tả cụ thể các trường dữ liệu đầu vào, đầu ra theo bảng dưới:

+ Dữ liệu đầu vào:

STT	Tên tham số	Ý nghĩa tham số	Null	Kiểu dữ liệu
1	Tên tham số 1		☐ Có ☐ Không	
2	Tên tham số 2		☐ Có ☐ Không	

STT	Tên tham số	Ý nghĩa tham số	Null	Kiểu dữ liệu
3	Tên tham số 3		☐ Có ☐ Không	
				
	<i>from_modified_date</i>	<i>Dữ liệu được cập nhật (thay đổi, thêm mới, xóa) trong khoảng thời gian từ thời gian <i>from_modified_date</i> đến thời gian <i>giato_modified_date</i></i>		<i>yyyy-mm-dd hh:mm:ss</i>
	<i>to_modified_date</i>			<i>yyyy-mm-dd hh:mm:ss</i>

+ Dữ liệu đầu ra:

STT	Tên tham số	Ý nghĩa tham số	Null	Kiểu dữ liệu
1			☐ Có ☐ Không	

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục IV
MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI, CẬP NHẬT
DỊCH VỤ CHIA SẺ DỮ LIỆU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 411 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi, cập nhật các dịch vụ chia sẻ dữ liệu

1. Tên dữ liệu số:

Thuộc Danh mục CSDL:

2. Địa chỉ truy cập:

3. Thông tin thay đổi, cập nhật các dịch vụ chia sẻ dữ liệu:

STT	Thông tin trước thay đổi, cập nhật	Thông tin sau thay đổi, cập nhật	Ghi chú
1			
2			

4. Thời điểm bắt đầu: Vào lúc giờ phút, ngày..... tháng..... năm.....

5. Đầu mối liên hệ:

a) Họ và tên:

b) Điện thoại:; Email:

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày . tháng năm 202

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục V

THÔNG BÁO TẠM NGỪNG KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Tên dữ liệu số:

Thuộc Danh mục CSDL:

2. Địa chỉ truy cập:

3. Lý do ngừng kết nối, chia sẻ dữ liệu:

.....
.....

4. Thời điểm bắt đầu : Vào lúc giờ phút, ngày..... tháng..... năm.....

5. Thời điểm dự kiến kết nối, chia sẻ dữ liệu lại: Vào lúc giờ phút,
ngày..... tháng..... năm.....

6. Đầu mối liên hệ:

a) Họ và tên:

b) Điện thoại:; Email:

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục VI

PHIẾU YÊU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Kính gửi:

- <Cơ quan chủ quản dữ liệu>;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

1. Nội dung yêu cầu: Tiếp nhận và khai thác, sử dụng dữ liệu số

2. Thông tin chi tiết:

- a) Tên dữ liệu số:
- b) Thuộc Danh mục CSDL:
- c) Mục đích khai thác, sử dụng:
- d) Đề nghị hình thức chia sẻ:
- đ) Đề nghị thời điểm bắt đầu:

3. Đầu mối liên hệ:

- a) Họ và tên:
- b) Điện thoại:; Email:

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ DỮ LIỆU
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 474 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

I. TỔNG QUAN

1. Mục đích

.....
.....

2. Phạm vi, đối tượng kiểm tra, đánh giá

a) Tên cơ sở dữ liệu:

b) Đơn vị vận hành:

c) Thông tin tóm tắt về cơ sở dữ liệu:

- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: ☐ MySQL ☐ PostgreSQL ☐ Microsoft
☐ Oracle ☐ Mongo DB ☐ Khác:.....

- Dung lượng:.....GB

- Số lượng bản ghi:..... Record

- Địa chỉ truy cập:.....

3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn dữ liệu:

(Liệt kê các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng)

1.

2.

b) Cách thức kiểm tra, đánh giá: *(Mô tả các bước kiểm tra, đánh giá)*

.....
.....

c) Công cụ kiểm tra, đánh giá:

(Liệt kê các công cụ, phương tiện, phần mềm sử dụng trong kiểm tra, đánh giá, bao gồm: tên công cụ, bản quyền (nếu có), mục đích sử dụng, môi trường hoạt động,...)

.....
.....

4. Nhân lực tham gia kiểm tra, đánh giá

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Công việc thực hiện
1				
2				

5. Thời gian kiểm tra, đánh giá:

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm.....

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm kê các hạng mục nội dung dữ liệu.
2. Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu.
3. Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường.
4. Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu.
5. Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ.
6. Các nội dung khác theo sự hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ ngành chủ quản.

(Trường hợp nội dung nào chưa được kiểm tra cần liệt kê và ghi rõ lý do chưa kiểm tra).

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

STT	Lỗi	Bảng dữ liệu	Số lượng record vi phạm	Mô tả chi tiết
1				
2				

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)

Phụ lục VIII

MẪU ĐỀ XUẤT CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐƯA VÀO DIỄN TẬP THỰC CHIẾN ỨNG CỨU XỬ LÝ SỰ CỐ AN TOÀN THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Tên cơ sở dữ liệu:.....

2. Đơn vị vận hành:.....

3. Thông tin tóm tắt về cơ sở dữ liệu:

a) Cấp độ an toàn thông tin:

☐ Đã phê duyệt: Quyết định số/QĐ- ngày.... tháng.... năm... của.....

☐ Chưa phê duyệt

Trường hợp chưa phê duyệt, nêu rõ cấp độ tự đánh giá theo hướng dẫn tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

b) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: ☐ MySQL ☐ PostgreSQL ☐ Microsoft

☐ Oracle ☐ Mongo DB ☐ Khác:.....

c) Địa chỉ truy cập:.....

4. Đầu mối liên hệ:

a) Họ và tên:

b) Điện thoại:; Email:

Nơi nhận:

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(ký số)